

Số: 217/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng cho sinh viên cao đẳng các khoá cũ (Đợt xét Tháng 5/2026)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp.HCM;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-LTT-ĐT ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Kiện toàn Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên Trung cấp, cao đẳng năm học 2025-2026;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2025 - 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo – Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 157 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

1. Cao đẳng chính quy các khoá cũ: 115 sinh viên
 2. Cao đẳng liên thông các khoá cũ: 42 sinh viên
- (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đủ chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐT (Nhưng).

Q. HIỆU TRƯỞNG




TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG

(Kèm theo Quyết định số 217/QĐ-LTT-ĐT ngày 30 tháng 5 năm 2026
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
1	18004019	Lê Văn	Hải	Nam	14/10/2000	Phú Yên	Kinh	18C1-CCK6		TOEIC 350	6,23		Trung bình
2	18002034	Giang Nhật	Minh	Nam	30/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	18C1-CNÔ8	A	B	6,45		Trung bình
3	18002592	Phan Tuấn	Kiệt	Nam	26/09/2000	Tây Ninh	Kinh	18C1-ĐCN2	A		5,94		Trung bình
4	19003885	Lê Nguyễn Phú	Thịnh	Nam	27/03/2000	An Giang	Kinh	19C1-CNÔ7	A		6,66		Trung bình
5	20002701	Lê Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	16/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	20C1-BCN1			5,81		Trung bình
6	20003475	Trịnh Hoàng Minh	Trường	Nam	22/04/2002	Long An	Kinh	20C1-BCN1	A	TOEIC 350	5,80		Trung bình
7	20005375	Đặng Long	Hồ	Nam	24/07/2002	Quảng Ngãi	Kinh	20C1-CĐT1	A	TOEIC 350	6,80		Trung bình
8	20005609	Lương Bá	Lộc	Nam	27/02/2002	Bình Thuận	Kinh	20C1-CNL2			6,21		Trung bình
9	20005064	Huỳnh	Vĩ	Nam	10/01/2002	Bến Tre	Kinh	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,17		Trung bình
10	20004026	Trần Thanh	Quang	Nam	18/05/2001	Bình Định	Kinh	20C1-CNÔ11			6,02		Trung bình
11	20004159	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	02/09/2001	Đồng Nai	Kinh	20C1-CNÔ12			6,70		Trung bình
12	20004372	Trương Minh	Tài	Nam	06/11/2002	Ninh Thuận	Kinh	20C1-CNÔ13			6,12		Trung bình
13	20004543	Phạm Nguyễn Trọng	Long	Nam	12/05/2000	Ninh Thuận	Kinh	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	6,07		Trung bình
14	20004547	Nguyễn Sơn	Thiện	Nam	04/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	20C1-CNÔ14		TOEIC 350	5,95		Trung bình
15	20003620	Nguyễn Minh	Kế	Nam	31/01/2002	Gia Lai	Kinh	20C1-CNÔ5	A		6,54		Trung bình
16	20003487	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	10/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,46		Trung bình
17	20004762	Đỗ Minh	Thành	Nam	02/02/2002	Bình Định	Kinh	20C1-KXD1			6,16		Trung bình
18	20001085	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23/07/2001	Tây Ninh	Kinh	20C1-QTD1	A	TOEIC 350	6,33		Trung bình
19	20004403	Nguyễn Minh	Châu	Nam	21/01/2002	Bình Định	Kinh	20C1-TĐH1			5,99		Trung bình
20	21001441	Lê Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	21C1-CCK1	A	TOEIC 350	6,40		Trung bình
21	21000673	Liễu Thanh	Phong	Nam	22/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	21C1-CMT1		TOEIC 350	6,37		Trung bình
22	21000938	Trương Quốc	Bình	Nam	29/12/2003	Bến Tre	Kinh	21C1-CNÔ3			6,10		Trung bình
23	22002624	Hoàng Gia	Huy	Nam	09/11/2004	Bình Thuận	Kinh	22C1-CNÔ3		TOEIC 350	6,64		Trung bình
24	21001404	Trần Thanh	Luân	Nam	26/07/2003	Trà Vinh	Kinh	21C1-CNÔ6			6,74		Trung bình
25	21001594	Nguyễn Đình	Phú	Nam	14/10/2003	Bình Phước	Kinh	21C1-CNÔ7		TOEIC 350	6,86		Trung bình
26	21001777	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	21/12/2003	Bến Tre	Kinh	21C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,38		Trung bình
27	21000014	Lâm Minh	Tiến	Nam	19/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	21C1-CTM1	A		6,22		Trung bình
28	21003933	Tưởng Đức	Nhật	Nam	17/11/2003	Bình Thuận	Kinh	21C1-ĐCN2			6,01		Trung bình
29	21002016	Nguyễn Hoài	Phú	Nam	15/09/2003	Quảng Ngãi	Kinh	21C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	5,55		Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
30	21002931	Nguyễn Đức	Trung	Nam	25/01/2001	Đắk Nông	Kinh	21C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,09		Trung bình
31	21004507	Phan Thế	Tài	Nam	07/08/2001	Cà Mau	Kinh	21C1-LGT1	A		7,31		Khá
32	21001005	Lê Quốc	Khánh	Nam	01/09/2001	Tuyên Quang	Kinh	21C1-NNA1			7,68		Khá
33	21001846	Tạ Thúy	Dung	Nữ	08/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	21C1-QTD1		TOEIC 350	6,73		Trung bình
34	21001909	Giảng Chiêu Hường	Dương	Nữ	20/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	21C1-QTD1		TOEIC 350	6,22		Trung bình
35	21001508	Huỳnh Trần Anh	Vũ	Nam	25/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	21C3-CNÔ4			6,92		Trung bình
36	22002565	Phạm Duy	Phong	Nam	08/11/2004	Bình Phước	Kinh	22C1-CCK1		TOEIC 350		2,21	Trung bình
37	22002749	Dư Minh	Thuận	Nam	03/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CCK1		TOEIC 350		2,60	Khá
38	22002744	Phạm Minh	Tú	Nam	04/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CCK1	A	TOEIC 350		2,22	Trung bình
39	22003210	Nguyễn Hồ Thành	Đạt	Nam	19/05/2004	Đồng Tháp	Kinh	22C1-CCK2	A			2,16	Trung bình
40	22003567	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	17/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CCK2	A	TOEIC 350		2,42	Trung bình
41	22003995	Nguyễn Đình Khánh	Duy	Nam	11/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CCK3		TOEIC 350		2,09	Trung bình
42	22004139	Lê Minh	Trí	Nam	05/10/2004	Vĩnh Long	Kinh	22C1-CCK3	A			2,43	Trung bình
43	22004420	Phạm Xuân	Tiến	Nam	31/03/2004	Lâm Đồng	Kinh	22C1-CCK4	A			2,68	Khá
44	22003095	Huỳnh Minh	Đức	Nam	18/05/2004	Quảng Nam	Kinh	22C1-CĐT1	A	TOEIC 350		2,59	Khá
45	22004117	Nguyễn Minh	Phi	Nam	08/12/2004	Bình Phước	Kinh	22C1-CĐT1	A	TOEIC 350		2,30	Trung bình
46	22003008	Phạm Công	Thành	Nam	10/05/2004	Đồng Nai	Kinh	22C1-CĐT1	A			2,27	Trung bình
47	22003873	Lê Hồng	Chương	Nam	19/08/2004	Bình Thuận	Kinh	22C1-CMT1		TOEIC 350		2,59	Khá
48	22000497	Hoàng Công Gia	Bảo	Nam	05/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ1	A	TOEIC 350		2,02	Trung bình
49	22000509	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	17/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ1				2,45	Trung bình
50	22002218	Trương Kiến	Phát	Nam	24/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ2	A	TOEIC 350		2,45	Trung bình
51	22002836	Nguyễn Quốc	Quy	Nam	20/11/2004	Tiền Giang	Kinh	22C1-CNÔ4				2,21	Trung bình
52	22003055	Trương Nguyễn Duy	Khôi	Nam	09/09/2004	Cà Mau	Kinh	22C1-CNÔ5				2,40	Trung bình
53	22003101	Phan Anh	Kiệt	Nam	05/11/2004	Bình Thuận	Kinh	22C1-CNÔ5		TOEIC 350		2,23	Trung bình
54	22003233	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	11/04/2004	Bình Định	Kinh	22C1-CNÔ6				2,11	Trung bình
55	22003156	Đặng Quốc	Hưng	Nam	16/07/2004	Phú Yên	Kinh	22C1-CNÔ6				2,38	Trung bình
56	22003189	Huỳnh Bảo	Khánh	Nam	04/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ6	A	TOEIC 350		2,22	Trung bình
57	22003253	Lê Quốc	Trung	Nam	13/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ6		TOEIC 350		2,21	Trung bình
58	22003175	Võ Văn	Tú	Nam	28/01/2004	Phú Yên	Kinh	22C1-CNÔ6		TOEIC 350		2,04	Trung bình
59	22003347	Nguyễn Hùng	Việt	Nam	19/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ6				2,19	Trung bình
60	22003578	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	09/10/2004	Kiên Giang	Kinh	22C1-CNÔ7	A			2,11	Trung bình
61	22003533	Trần Quốc Khải	Hoàn	Nam	02/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ7	A	TOEIC 350		2,13	Trung bình
62	22003472	Võ Hữu	Quốc	Nam	12/07/2004	Lâm Đồng	Kinh	22C1-CNÔ7		TOEIC 350		2,50	Khá
63	22003798	Phan Hữu	Bằng	Nam	17/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CNÔ8	A			2,22	Trung bình
64	22003860	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	15/07/2004	Bến Tre	Kinh	22C1-CNÔ8		TOEIC 350		2,22	Trung bình
65	22003718	Trương Tuấn	Kiệt	Nam	03/09/2004	Cà Mau	Khmer	22C1-CNÔ8		TOEIC 350		2,25	Trung bình
66	22003868	Nguyễn Phan Thành	Lộc	Nam	20/06/2004	Bến Tre	Kinh	22C1-CNÔ8	A	TOEIC 350		2,30	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
67	22004235	Lê Phước	Hữu	Nam	24/09/2004	Tây Ninh	Kinh	22C1-CNÔ9				2,03	Trung bình
68	22004374	Lê Tiến	Lộc	Nam	16/10/2003	Bình Thuận	Kinh	22C1-CNÔ9	A	TOEIC 350		2,35	Trung bình
69	22003959	Phạm Minh	Sang	Nam	28/05/2004	Tiền Giang	Kinh	22C1-CNÔ9		TOEIC 350		2,22	Trung bình
70	22004611	Lưu Hồng	Son	Nam	06/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-CTM1				2,20	Trung bình
71	22003375	Võ Văn	Hậu	Nam	01/05/2003	Bình Phước	Kinh	22C1-ĐCN1	A	TOEIC 350		2,08	Trung bình
72	22003300	Nguyễn	Huy	Nam	25/08/2004	Quảng Ngãi	Kinh	22C1-ĐCN1		TOEIC 350		2,12	Trung bình
73	22002578	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	04/05/2004	Đồng Nai	Kinh	22C1-ĐCN1				2,03	Trung bình
74	22002967	Trần Khánh	Quyên	Nam	09/07/2004	Bến Tre	Kinh	22C1-ĐCN1	A			2,06	Trung bình
75	22004390	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	28/01/2004	Bình Thuận	Kinh	22C1-ĐCN2	A	TOEIC 350		2,04	Trung bình
76	22004552	Nguyễn Trung	Hữu	Nam	17/08/2003	Bình Thuận	Kinh	22C1-ĐCN2				2,00	Trung bình
77	22004905	Trần Nguyễn Nhật	Kha	Nam	20/03/2003	Bình Thuận	Kinh	22C1-ĐCN2	A			2,00	Trung bình
78	22002642	Nguyễn Vũ	Bằng	Nam	08/12/2004	Bình Phước	Kinh	22C1-ĐĐT1				2,25	Trung bình
79	22003431	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	01/04/2004	Tiền Giang	Kinh	22C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,30	Trung bình
80	22003426	Huỳnh Thanh	Hung	Nam	29/01/2004	Tiền Giang	Kinh	22C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,19	Trung bình
81	22005644	Đào Trung	Kiên	Nam	09/10/2004	Bắc Giang	Kinh	22C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,26	Trung bình
82	22004650	Nguyễn Tấn	Kiên	Nam	04/02/2004	Lâm Đồng	Kinh	22C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,06	Trung bình
83	22003927	Trần Gia	Long	Nam	24/02/2004	Khánh Hoà	Kinh	22C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,02	Trung bình
84	22002745	Nguyễn Mậu	Sáng	Nam	11/05/2004	Bình Thuận	Kinh	22C1-ĐĐT1		TOEIC 350		2,21	Trung bình
85	22002556	Đinh Ngọc Triều	Tam	Nam	11/02/2004	Lâm Đồng	Mường	22C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,29	Trung bình
86	22003642	Lê Quang	Tùng	Nam	07/09/2004	Quảng Ngãi	Kinh	22C1-ĐĐT1		TOEIC 350		2,15	Trung bình
87	22003874	Y	Mỹ	Nữ	12/07/2004	Kon Tum	Ba Na	22C1-KTD1	A	TOEIC 350		2,98	Khá
88	22003200	Đặng Thị Minh	Phương	Nữ	03/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-KTD1	A	TOEIC 350		2,31	Trung bình
89	22004341	Nguyễn Sỹ	Bào	Nam	20/12/2004	Hà Tĩnh	Kinh	22C1-LGT1				2,11	Trung bình
90	22004283	Mai Văn	Cười	Nam	05/05/2003	Quảng Ngãi	Kinh	22C1-LGT1	A	TOEIC 350		2,57	Khá
91	22004600	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	16/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-LGT1	A	TOEIC 350		2,60	Khá
92	22004857	Tiêu Nguyễn Hoàng	An	Nam	26/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-LTM1		TOEIC 350		2,65	Khá
93	22004449	Lê Quang Nhật	Hoàng	Nam	23/02/2004	Quảng Ngãi	Kinh	22C1-LTM1		TOEIC 350		2,45	Trung bình
94	22003640	Trịnh Đình	Khoa	Nam	06/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-LTM1		TOEIC 350		2,85	Khá
95	22004613	Lâm Nguyễn Anh	Minh	Nam	19/02/2004	Bình Phước	Kinh	22C1-NNA1	A			2,23	Trung bình
96	22004083	Nguyễn Thảo	Nhi	Nữ	20/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-NNA1		Tiếng Trung		2,61	Khá
97	22004608	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	16/04/2004	Tây Ninh	Kinh	22C1-NNA1	A	Tiếng Trung		3,24	Khá
98	22003410	Bùi Vũ	Lộc	Nam	22/12/2003	Kiên Giang	Kinh	22C1-QTD1				2,64	Khá
99	22002892	Lã Thị Diệu	Linh	Nữ	07/01/2004	Liên Bang Nga	Kinh	22C1-QTD1				2,42	Trung bình
100	22004784	Chu Phú	Mạnh	Nam	21/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-QTD2	A	TOEIC 350		2,08	Trung bình
101	22002627	Đặng Việt	Hung	Nam	07/06/2004	Đồng Tháp	Kinh	22C1-TĐH1	A	TOEIC 350		2,07	Trung bình
102	22003333	Phạm Hà Việt	Anh	Nam	14/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-TKĐ1		TOEIC 350		2,44	Trung bình
103	22002433	Lê Dương Tuyết	Ngân	Nữ	14/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-TKĐ1		TOEIC 400		2,99	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
104	22003115	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc	Nữ	10/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-TKĐ1				3,07	Giỏi
105	22005904	Phan Đức Đăng	Khoa	Nam	28/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-TKĐ2		TOEIC 350		3,34	Giỏi
106	22004932	Hồ Quốc	Huy	Nam	14/05/2002	Bến Tre	Kinh	22C1-TKW1		TOEIC 350		2,14	Trung bình
107	22003172	Trần Trung	Tín	Nam	03/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C1-TKW1		TOEIC 350		2,90	Khá
108	22004025	Võ Minh	Khánh	Nam	01/07/2004	Tây Ninh	Kinh	22C1-TKW2				2,46	Trung bình
109	22003173	Võ Văn	Khang	Nam	17/07/2004	Bình Phước	Kinh	22C1-TMĐ1	A	TOEIC 350		2,23	Trung bình
110	22005069	Chang Khánh	Hòa	Nam	27/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	22C2B-CNÔ1	A			2,59	Khá
111	22003598	Đặng Hoài	Nam	Nam	29/07/2004	Kiên Giang	Kinh	22C3-CCK1		TOEIC 350		2,36	Trung bình
112	22002646	Trần Quang	Huy	Nam	17/09/2004	Bình Phước	Kinh	22C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400		2,38	Trung bình
113	22002101	Phạm Tấn	Nghĩa	Nam	26/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	22C3-CNÔ1	IC3			2,53	Khá
114	22002628	Nguyễn Hồ Minh	Quang	Nam	18/02/2004	Bình Thuận	Kinh	22C3-CNÔ1	IC3			2,31	Trung bình
115	22003408	Huỳnh Thanh	Phong	Nam	06/11/2004	An Giang	Kinh	22C3-CNÔ2				2,25	Trung bình
116	22003938	Phạm Anh	Khoa	Nam	08/08/2004	Tây Ninh	Kinh	22C7-CCK1				2,50	Khá
117	23002854	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	13/03/2005	Bình Phước	Kinh	23C2-CCK1	A			2,30	Trung bình
118	23002856	Ngô Gia	Lộc	Nam	31/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CCK1	A			2,27	Trung bình
119	23002830	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	04/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CCK1	A			2,86	Khá
120	23002835	Phạm Thanh	Son	Nam	05/04/2005	Kiên Giang	Kinh	23C2-CCK1	A			2,37	Trung bình
121	23003000	Trương Tuấn	Anh	Nam	20/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CMT1		TOEIC 350		2,04	Trung bình
122	23003014	Trương Đăng	Khoa	Nam	13/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CMT1				2,09	Trung bình
123	23002789	Nguyễn Phạm Phước	Lộc	Nam	17/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CMT1				2,28	Trung bình
124	23003104	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	11/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CNÔ1		TOEIC 350		2,43	Trung bình
125	23002703	Võ Minh	Thị	Nam	09/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CNÔ1				2,01	Trung bình
126	23003107	Lê Bảo	Thịnh	Nam	13/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CNÔ1	A	TOEIC 350		2,06	Trung bình
127	23003194	Lê Nhựt	Toàn	Nam	25/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CNÔ1	A	TOEIC 350		2,02	Trung bình
128	23003179	Đoàn Huỳnh	Lâm	Nam	22/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-CNÔ2	A			2,42	Trung bình
129	23003131	Nguyễn Phong	Minh	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	Kinh	23C2-CNÔ2				2,27	Trung bình
130	23003281	Thiều Quang	Vũ	Nam	02/12/2005	Thanh Hoá	Kinh	23C2-ĐCN1	A	TOEIC 350		2,42	Trung bình
131	23003290	Trần Công	Hậu	Nam	03/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-ĐĐT1	A			2,01	Trung bình
132	23003293	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	28/09/2005	Bạc Liêu	Kinh	23C2-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,18	Trung bình
133	23003850	Phan Hữu	Hạ	Nam	30/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-QTD1	A			2,82	Khá
134	23003909	Nguyễn Mạnh	Hoàng	Nam	15/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-QTM1		TOEIC 350		2,61	Khá
135	23003932	Huỳnh Gia	Huy	Nam	27/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	23C2-QTM1				2,67	Khá
136	23003944	Phạm Lê Minh	Thái	Nam	06/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-QTM1				2,65	Khá
137	23003984	Đinh Trần Thành	Đạt	Nam	22/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-TĐH1	A	B Tiếng Anh		2,07	Trung bình
138	23003985	Đinh Tiến	Hiệp	Nam	24/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-TĐH1	A	TOEIC 350		2,73	Khá
139	23004119	Nguyễn Kim Bảo	Ngân	Nam	30/07/2004	Phú Yên	Kinh	23C2-TKĐ2		TOEIC 350		2,50	Khá
140	23004122	Tất Hoàng	Nhi	Nữ	21/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-TKĐ2		TOEIC 350		2,37	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN
141	23004231	Hoàng Minh	Đăng	Nam	27/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	23C2-VSL1	A	TOEIC 350		2,34	Trung bình
142	23004469	Nguyễn Quốc	Nam	Nam	15/12/2005	Trà Vinh	Kinh	23C2-VSL1				2,52	Khá
143	24003542	Hà Mạnh	Hùng	Nam	13/02/2003	Cần Thơ	Kinh	24C2-CCK1	A			2,41	Trung bình
144	24002306	Nguyễn Đình	Minh	Nam	07/02/2006	Bắc Ninh	Kinh	24C2-CCK1	A			2,31	Trung bình
145	24004220	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	06/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-CCK1	A			3,30	Giỏi
146	24000847	Bùi Trần Minh	Toàn	Nam	21/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-CCK1	A	TOEIC 350		3,03	Giỏi
147	24002374	Võ Nguyễn Quốc	Thái	Nam	02/11/2006	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-CTM1	A	TOEIC 350		2,54	Khá
148	24003696	Trần Phạm Bảo	Thái	Nam	13/05/2006	Lâm Đồng	Kinh	24C2-ĐCN1				2,30	Trung bình
149	24002621	Nguyễn Thành	Huy	Nam	15/03/2006	Bình Dương	Kinh	24C2-ĐĐT1	A	TOEIC 350		2,72	Khá
150	24002760	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-KTD1	A			2,42	Trung bình
151	24002772	Lê Võ Ngọc	Nga	Nữ	03/06/2006	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-KTD1				2,97	Khá
152	24002813	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	09/08/2005	Hà Nam	Kinh	24C2-LGT1	A	TOEIC 350		2,53	Khá
153	24002823	Nguyễn Phạm Ngọc	Trình	Nữ	21/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-LGT1		TOEIC 350		2,70	Khá
154	24002877	La Quảng	Tuấn	Nam	23/02/2006	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	24C2-LTM1				2,35	Trung bình
155	24003037	Phạm Trường	Khang	Nam	10/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-QKS1				2,98	Khá
156	24003087	Nguyễn Mỹ Ngọc	Hằng	Nữ	07/11/2006	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-QTD1	A	TOEIC 350		3,02	Giỏi
157	24003203	Trần Thanh	Nhật	Nam	06/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	24C2-TĐH1	A	TOEIC 350		2,25	Trung bình

Tổng cộng có 157 sinh viên, trong đó:

Giỏi:	5	3,18%	%
Khá:	34	21,66%	%
Trung bình	118	75,16%	%